

NGHỊ QUYẾT

**Về Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Các điểm du lịch phân tán thuộc
Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1771/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025; Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025; Quyết định số 1774/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Lăng Cô – Cảnh Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 6675/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình thông qua Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Các điểm du lịch phân tán thuộc Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng Các điểm du lịch phân tán thuộc Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế với những nội dung chính như sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch phân khu xây dựng Các điểm du lịch phân tán thuộc Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Phạm vi, ranh giới quy hoạch: Thuộc địa giới hành chính xã Lộc Thủy, xã Lộc Tiến, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cụ thể như sau:

- Khu vực hồ Thủy Yên: Phía Bắc giáp hồ Thủy Yên và khu dân cư; phía Nam, Đông, Tây giáp đất rừng trồng sản xuất và các khe suối;

- Khu vực Suối Voi: Phía Bắc giáp đường dẫn ra Quốc lộ 1A và khu dân cư; phía Nam, Đông, Tây giáp đất rừng trồng sản xuất;

- Khu vực thác Bồ Ghè: Phía Bắc giáp đường dẫn ra Quốc lộ 1A và chùa Diệu Ngộ; phía Nam giáp đất rừng trồng sản xuất và khe suối; phía Đông, Tây giáp đất rừng trồng sản xuất.

3. Quy mô lập quy hoạch:

- Quy mô đất đai:

+ Quy mô nghiên cứu quy hoạch: Khoảng 180 ha, gồm Khu vực hồ Thủy Yên khoảng 70 ha và Khu vực Suối Voi – Thác Bồ Ghè khoảng 110 ha.

+ Quy mô lập quy hoạch: Khoảng 100 ha (theo Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1771/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2008). Cụ thể như sau:

TT	Khu vực lập quy hoạch	Vị trí	Quy mô (ha)
1	Khu vực hồ Thủy Yên	Xã Lộc Thủy	35,0
2	Khu vực Suối Voi	Xã Lộc Tiến	51,8
3	Khu vực thác Bồ Ghè	Xã Lộc Tiến	13,2
	Tổng		100,0

- Quy mô khách du lịch và nhân viên phục vụ: Khoảng 8.500 – 10.000 người/ngày.

4. Tính chất: Là các khu vực phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp với du lịch cộng đồng trên cơ sở khai thác, phát huy giá trị cảnh quan, điều kiện tự nhiên đặc trưng gắn với bảo vệ môi trường theo định hướng Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

5. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1771/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2008 và Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2019 gắn với Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Lăng Cô – Cảnh Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1774/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2018; Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn năm 2013-2030;

- Khai thác hiệu quả các tài nguyên thiên nhiên, giá trị cảnh quan của khu vực để phát triển du lịch và dịch vụ du lịch sinh thái, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn;

- Đa dạng hóa các sản phẩm, loại hình du lịch với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, tạo môi trường đầu tư hấp dẫn nhằm thu hút các dự án đầu tư phát triển du lịch;

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý sử dụng đất đai và xây dựng theo quy hoạch, triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng và lập các dự án đầu tư xây dựng.

6. Phân khu chức năng: Dự kiến bao gồm các khu chức năng chính như sau:

- Khu công viên chuyên đề, vui chơi giải trí;
- Khu chăm sóc sức khỏe;
- Khu ẩm thực và dịch vụ;
- Khu cảnh quan;
- Khu phát triển du lịch cộng đồng;
- Khu cắm trại, dã ngoại;
- Khu hạ tầng kỹ thuật và phụ trợ;
- Khu bến thuyền (nếu có).

7. Các chỉ tiêu quy hoạch chính:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
1	Dân số		
	Quy mô khách du lịch, nhân viên phục vụ	người/ngày	8.500 – 10.000
2	Chỉ tiêu tầng cao xây dựng		
2.1	Khu điều hành, dịch vụ	Tầng	≤ 3
2.2	Khu ẩm thực	Tầng	≤ 2
2.3	Công trình thể thao, vui chơi giải trí tổng hợp	Tầng	≤ 3
2.4	Công trình hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ		≤ 2
3	Mật độ xây dựng gộp toàn khu (brutto)	%	≤ 20
4	Hệ số sử dụng đất	Lần	≤ 0,4
5	Hạ tầng kỹ thuật		
5.1	Cấp nước		
	- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt, du lịch	lít/ng-ngđ	≥ 180
	- Tiêu chuẩn cấp nước công trình công cộng, dịch vụ	lít/m ² sàn-ngđ	≥ 5
	- Tiêu chuẩn cấp nước tưới cây, rửa đường	lít/m ² -ngđ	≥ 3,5
	- Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy	lít/s	≥ 15
	- Nước dự phòng	%	15

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
5.2	Cấp điện		
	- Công trình công cộng, dịch vụ, hỗn hợp	w/m ² sàn	≥ 90
	- Chiều sáng đèn đường, bãi đỗ xe	kw/ha	≥ 12
	- Chiều sáng khu công viên, cây xanh	kw/ha	≥ 12
	- Chiều sáng hạ tầng kỹ thuật	kw/ha	≥ 200
5.3	Tiêu chuẩn thoát nước thải	% cấp nước (trừ cấp nước tưới cây, rửa đường)	100
5.4	Lượng rác thải bình quân	kg/ng ngđ	1,3
5.5	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn	%	100

Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật khác tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

8. Nội dung quy hoạch:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng, các yêu cầu về công tác thu thập tài liệu, số liệu:

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên của khu vực hồ Thủy Yên, suối Voi, thác Bò Ghè (khí hậu, lượng mưa, thủy hải văn,...), các giá trị cảnh quan đặc thù của khu vực; hiện trạng kinh tế - xã hội, sử dụng đất, hiện trạng về dân cư và lao động, hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, phát triển du lịch, tình hình thiên tai, môi trường của khu vực. Đánh giá chi tiết quỹ đất xây dựng thuận lợi, không thuận lợi và khu vực cấm xây dựng do độ dốc lớn, nguy cơ sạt lở, vùng địa chất yếu;

- Thu thập, tổng hợp các tài liệu, số liệu liên quan đến khu vực lập quy hoạch và các khu vực lân cận. Phân tích, đánh giá mối liên hệ giữa khu vực lập quy hoạch trong mối quan hệ với các khu chức năng của Khu kinh tế Chân Mây – Lăng Cô và các phân khu phát triển du lịch theo Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Lăng Cô – Cảnh Dương;

- Phân tích các quy định của quy hoạch chung xây dựng đến khu vực quy hoạch; đánh giá các dự án đã và đang triển khai trong khu vực;

- Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong phát triển khu vực lập quy hoạch. Đề xuất các nội dung, vấn đề cần giải quyết của đồ án quy hoạch.

b) Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

- Xác định các phân khu trong khu vực quy hoạch; xác định chỉ tiêu sử dụng đất về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình đối với từng lô đất; khoảng lùi công trình đối với các trục đường; vị trí, quy mô các công trình ngầm (nếu có). Xây dựng hệ thống bảng biểu cân bằng và sơ đồ hệ thống số liệu sử dụng đất, có đối chiếu kết quả quy hoạch với hiện trạng sử dụng đất;

- Xác định các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch.

- Dự báo về khách du lịch, đất đai, các nhu cầu về cơ sở hạ tầng kỹ thuật đối với khu vực quy hoạch, đề xuất các loại hình và quy mô phù hợp.

- Đề xuất giải pháp quy hoạch phù hợp với định hướng quy hoạch chung liên quan, đồng thời đảm bảo liên kết với các quy hoạch thành phần đã được lập trong phạm vi quy hoạch; đề xuất phương án khai thác đối với mỗi khu vực lập quy hoạch (phương án kêu gọi đầu tư, phương án khai thác...).

c) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

- Tuân thủ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về kết cấu mạng lưới giao thông, hệ thống hạ tầng kỹ thuật chính, cấu trúc các khu chức năng và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cơ bản.

- Khai thác tối đa các yếu tố lợi thế về địa hình, điều kiện tự nhiên, cảnh quan thiên nhiên, tiềm năng sinh thái đặc trưng của khu vực. Hình thành các điểm du lịch với các kiến trúc gần gũi, thân thiện với môi trường, ưu tiên sử dụng vật liệu địa phương và kiến trúc xanh, kiến trúc truyền thống. Đề xuất bố cục không gian kiến trúc cảnh quan theo từng khu vực với chức năng linh hoạt và đảm bảo sự thống nhất trong không gian tổng thể. Tổ chức không gian các khu vực với các giải pháp về mật độ xây dựng, hình khối công trình, chiều cao xây dựng, không gian mở.

- Tổ chức, bố trí các công trình công cộng, dịch vụ đảm bảo khả năng tiếp cận của người dân và du khách, bán kính phục vụ thuận lợi và tăng cường các tiện ích công cộng.

d) Định hướng hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được bố trí đến mạng lưới đường phân khu vực, bao gồm các nội dung sau:

- Xác định cao độ xây dựng đối với từng khu vực và các trục giao thông chính. Đề xuất các giải pháp thiết kế san nền trên cơ sở tôn trọng địa hình và hạn chế phá vỡ cảnh quan khu vực. Xác định lưu vực, hướng thoát nước chính, kích thước cống chính, vị trí miệng xả; đề xuất các giải pháp phòng chống thiên tai, nguy cơ sạt lở, lũ quét.

- Xác định mạng lưới giao thông, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng đảm bảo kết nối thuận tiện giữa các phân khu chức năng. Xác định vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe; tổ chức giao thông hợp lý, đảm bảo các yếu tố kỹ thuật theo quy định; đảm bảo liên hệ giữa các khu vực và các mối liên hệ với mạng lưới bên ngoài. Xác định bến thuyền và khu vực giải trí, thể thao mặt nước tại các khu vực hồ, suối của khu vực lập quy hoạch.

- Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô công trình nhà máy, trạm bơm nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật cụ thể; lưu ý thiết kế hệ thống cấp nước chữa cháy đảm bảo tuân thủ theo quy định;

- Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng (điện, khí đốt); vị trí, quy mô các trạm điện phân phối, trạm khí đốt; mạng lưới đường dây trung thế và hệ thống chiếu sáng;

- Xác định nhu cầu và công trình hạ tầng viễn thông thụ động;

- Xác định tổng lượng nước thải và rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước thải, chất thải.

đ) Quy định việc kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan trong khu vực lập quy hoạch:

- Xác định các công trình điểm nhấn trong khu vực quy hoạch theo các hướng, tầm nhìn; xác định tầng cao xây dựng công trình, khoảng lùi cho từng lô đất, trên từng tuyến đường và ngã giao nhau; xác định hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc; hệ thống cây xanh, mặt nước.

- Lựa chọn không gian chủ đạo (khu dịch vụ, không gian mở, các cửa ngõ, các trục không gian, điểm nhìn đẹp...). Đề xuất các quy định về quản lý quy hoạch kiến trúc đối với các khu vực không gian chủ đạo, điểm nhấn.

- Đề xuất các quy định quản lý về chỉ giới xây dựng, khoảng lùi xây dựng so với chỉ giới đường đỏ; tầng cao công trình, hình khối kiến trúc, màu sắc, ánh sáng, kiến trúc mái ... và các quy định về quản lý kiến trúc cảnh quan cho toàn bộ khu vực lập quy hoạch.

e) Dự kiến các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

- Phân kỳ, lựa chọn các dự án ưu tiên đầu tư: Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và kế hoạch thực hiện phù hợp với yêu cầu đầu tư.

- Đề xuất, kiến nghị các cơ chế huy động và tạo nguồn lực thực hiện.

f) Đánh giá môi trường chiến lược: Nội dung theo quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ.

g) Lập Quy định quản lý theo quy hoạch: Nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ.

9. Hồ sơ sản phẩm và dự toán kinh phí:

a) Hồ sơ sản phẩm:

STT	Nội dung	Tỷ lệ bản vẽ	Quy cách		Hồ sơ thu nhỏ A3
			A0	A4	
A	Phần Văn bản				
1	Thuyết minh tổng hợp, kèm theo các văn bản pháp lý liên quan			x	
2	Tờ trình đề nghị phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết			x	
3	Dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết			x	
B	Phần bản vẽ				
1	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất	1/5.000-1/10.000	x		x
2	Bản đồ hiện trạng về kiến trúc, cảnh	1/2000	x		x

STT	Nội dung	Tỷ lệ bản vẽ	Quy cách		Hồ sơ thu nhỏ A3
			A0	A4	
	quan và đánh giá đất xây dựng				
3	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tổng hợp (Cao độ nền và thoát nước mưa; giao thông; cấp nước; thoát nước thải; cấp điện và chiếu sáng; TTLL; thu gom chất thải rắn; nghĩa trang; môi trường)	1/2000	x		x
4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Xác định ranh giới từng khu đất và lô đất theo tính chất, chức năng sử dụng đối với đất xây dựng các công trình dân dụng, công cộng, dịch vụ, du lịch, hệ thống đường giao thông, khu cây xanh, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật; các yêu cầu về quản lý sử dụng đất (tầng cao xây dựng, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, ...)	1/2000	x		x
5	Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan	1/2000	x		x
6	Bản vẽ xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm: Các công trình công cộng ngầm, các công trình cao tầng có xây dựng tầng hầm (nếu có)	Tỷ lệ thích hợp	x		x
7	Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng	1/2000	x		x
8	Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác	1/2000	x		x
a	Bản đồ quy hoạch giao thông	1/2000	x		x
b	Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mưa	1/2000	x		x
c	Bản đồ quy hoạch cấp nước	1/2000	x		x
d	Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng	1/2000	x		x
e	Bản đồ quy hoạch thông tin liên lạc	1/2000	x		x
g	Bản đồ quy hoạch thoát nước bản	1/2000	x		x
h	Bản đồ quy hoạch thu gom chất thải rắn và nghĩa trang	1/2000	x		x
9	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật	1/2000	x		x
10	Các bản vẽ quy định việc kiểm soát		x		x

STT	Nội dung	Tỷ lệ bản vẽ	Quy cách		Hồ sơ thu nhỏ A3
			A0	A4	
	về kiến trúc, cảnh quan trong khu vực lập quy hoạch: Xác định các công trình điểm nhấn trong khu vực quy hoạch theo các hướng, tầm nhìn; xác định tầng cao xây dựng công trình, khoảng lùi cho từng lô đất, trên từng tuyến phố và ngã giao nhau; xác định hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc; hệ thống cây xanh, mặt nước, quảng trường	Tỷ lệ thích hợp			
11	Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược: Hiện trạng và đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp	Tỷ lệ thích hợp	x		x

- Số lượng hồ sơ gồm 10 bộ màu (cho mỗi loại tỷ lệ bản đồ), kèm theo 02 ổ USB chứa nội dung đồ án quy hoạch. Nội dung hồ sơ theo đúng quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng về Quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thể hiện bản đồ địa hình lồng ghép bản đồ địa chính đối với các loại bản đồ sau: hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng; hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật; quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất; chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật; quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường.

- Đối với việc cập nhật CSDL hiện trạng và đồ án quy hoạch trên vào cơ sở dữ liệu GIS Hue: Chủ đầu tư thực hiện các nội dung được quy định tại Điều 11 của Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định thu thập, cập nhật, quản lý, tích hợp, khai thác và sử dụng dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh và các quy định khác có liên quan.

b) Dự toán kinh phí:

Sau khi Nhiệm vụ quy hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Chủ đầu tư lập dự toán thiết kế theo định mức thiết kế quy hoạch gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo đúng quy định.

c) Nguồn vốn: Vốn Ngân sách.

10. Tiến độ thực hiện:

a) Bắt đầu: Thực hiện sau khi nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

b) Thời gian hoàn thành: Không quá 06 (sáu) tháng sau khi hoàn thành thành thủ tục lựa chọn nhà thầu tư vấn lập quy hoạch.

11. Tổ chức thực hiện:

- a) Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.
- b) Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế.
- c) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.
- d) Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Theo quy định.
- đ) Đơn vị phản biện: Theo quy định.
- e) Nội dung khác: Trình Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi phê duyệt đồ án quy hoạch theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VIII, Kỳ họp lần thứ 4 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: KH&ĐT; Xây dựng;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; UBMT TQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã và TP.Huế;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu: VT, LT.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu